

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/DS – ST

Ngày: 24-5-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2022/QĐST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số 70 đường số 6, Khu Hưng Phước 3, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Mỹ L: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992 nơi cư trú: Số nhà 88/5 ấp Quí Thế, xã Quới Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1972

2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Số nhà 193/1 ấp An Điền, xã An Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng và tại phiên án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 05 tháng 06 năm 2019 ông Lê Văn D và bà Trần Thị P có đến mua thuốc, thức ăn, tại cửa hàng của chị Phan Thị Mỹ L để nuôi tôm công nghiệp. Hai bên thỏa thuận, khi cần mua mặt hàng nào phục vụ nuôi tôm thì ông D, bà P điện thoại đến cửa hàng thì chị Linh sẽ giao hàng tận nơi cho ông D và bà P, khi nào thu hoạch tôm xong thì ông D và bà P phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền thức ăn cho chị Linh. Mặc dù, các bên có thỏa thuận khi nào thu hoạch tôm xong dù lời hay lỗ thì ông D và bà P phải có nghĩa vụ thanh toán hết cho chị Linh. Tuy nhiên, có những vụ tôm ông D và bà P thua lỗ thì chị Linh vẫn tiếp tục bán thức ăn.

Tính đến ngày 13/11/2021 thì ông Lê Văn D và bà Trần Thị P còn nợ chị Phan Thị Mỹ L số tiền là 122.928.750 đồng, sau nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng ông D, bà P vẫn không thanh toán nợ cho chị Linh nên chị Linh khởi kiện yêu cầu ông D và bà P phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị Linh số tiền là 122.928.750 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi từ ngày 14/11/2011 đến ngày 02/12/2021 mức lãi suất 0,83%/ tháng, số tiền lãi là 510.154 đồng (Năm trăm mười ngàn một trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Ông thừa nhận vào năm 2019 đến ngày 13/11/2021 ông và vợ ông là bà Trần Thị P có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản với chị Phan Thị Mỹ L với hình thức ghi sổ, sau nhiều lần có mua và có trả tiền tính đến ngày 13/11/2021 vợ chồng ông còn nợ 122.928.750 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Do vợ chồng ông nuôi trồng thủy sản bị thua lỗ nên chưa trả được cho chị Phan Thị Mỹ L.

Nay chị Phan Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ông và vợ ông là bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 122.928.750 đồng trả một lần thì ông không có khả năng trả. Ông đề nghị mỗi năm vợ chồng ông sẽ trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho đến khi hết nợ và yêu cầu không tính lãi.

** Bị đơn bà Trần Thị P thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn D.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn ông Lê Văn D, bà Trần Thị P có nơi cư trú tại ấp An Điền, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2019 đến ngày 13/11/2021 chị Phan Thị Mỹ L có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với vợ chồng ông Lê Văn D, bà Trần Thị P nhưng không có lập thành văn bản, khi giao thức ăn hai bên có ghi sổ và thỏa thuận cuối vụ nuôi tôm bên mua phải thanh toán tiền thức ăn. Xét việc thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Lê Văn D, bà Trần Thị P thừa nhận khi chót nợ còn thiếu chị Phan Thị Mỹ L số tiền 122.928.750 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) nên nguyên đơn không phải chứng minh số tiền bị đơn còn nợ được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông Lê Văn D, bà Trần Thị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên chị Phan Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ông D, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của ông Lê Văn D, bà Trần Thị P đồng ý trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền số tiền 122.928.750 đồng, nhưng cách thức trả mỗi năm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho đến khi hết nợ và yêu cầu không tính lãi do khó khăn về kinh tế, nhưng quá trình tố tụng bị đơn ông D, bà P không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đang khó khăn về kinh tế và yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý, nên không có căn cứ xem xét lời trình bày của ông D, bà P.

[4] Xét việc mua thức ăn để nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Lê Văn D, bà Trần Thị P là nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nhưng ông D, bà P là vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông D, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 122.928.750 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) là đúng quy định của pháp luật. Ghi nhận chị Phan Thị Mỹ L không yêu cầu tính lãi.

[5] Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về phần tiền lãi tính từ ngày 14/11/2011 đến ngày 02/12/2021 với số tiền là 510.154 đồng (Năm trăm mười ngàn một trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L được chấp nhận, nên ông Lê Văn D, bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 6.146.437 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 217, 218, 219 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L.

Buộc ông Lê Văn D, bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 122.928.750 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn D, bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L tiền lãi 510.154 đồng (Năm trăm mười ngàn một trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn D, bà Trần Thị P phải có nghĩa vụ liên đới chịu 6.146.437 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.086.000 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi sáu ngàn đồng) cho chị Phan Thị Mỹ L (do Nguyễn Thị Thảo N nộp thay) theo biên lai thu số 0004361 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương